

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN DOANH THU THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

DETERMINANTS OF INDIVIDUAL INCOME TAX REVENUE IN VIETNAM

Nguyễn Hữu Cung*, Nguyễn Thị Nguyệt Dung

TÓM TẮT

Thuế thu nhập cá nhân xuất hiện từ hàng trăm năm trước đây và đã được áp dụng ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vai trò của chính sách thuế này cũng giống như nhiều loại thuế khác là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tăng thu ngân sách và phân phối công bằng thu nhập xã hội. Mục đích của bài báo là nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có bốn nhân tố ảnh hưởng tích cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân, bao gồm thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân, chỉ số cảm nhận tham nhũng và tỷ lệ tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm. Một nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân là tỷ lệ lạm phát hàng năm.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế; Gánh nặng thuế; Thuế thu nhập cá nhân.

ABSTRACT

Individual income tax appeared hundreds of years ago and was applied in most countries. The role of this tax like many other taxes is an important tool for the state to regulate the macro economy, an increase in budget revenues, equitable distribution of income. The main purpose of this article is to study the factors affecting Vietnam's individual income tax revenue. The research results show that the effect of per capita income, individual income tax burden, corruption perceptions index on Vietnam's individual income tax revenue is a positive sign. The relationship between annual inflation index and individual income tax revenue is a negative sign.

Keywords: Economic growth; Tax burden; Individual income tax.

Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: nguyenucung@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 08/01/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 04/6/2020

Ngày chấp nhận đăng: 24/6/2020

1. GIỚI THIỆU

Thuế thu nhập cá nhân đã được áp dụng phổ biến ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Từ thực tế khách quan cho thấy, việc áp dụng thuế thu nhập cá nhân đã xuất hiện hai chiều hướng: *một là*, nếu gánh nặng thuế thu nhập cá nhân hợp lý, có thể vừa kích thích tăng trưởng kinh tế vừa có tác dụng làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước; *hai là*, nếu gánh nặng thuế thu nhập cá nhân quá mức thì sẽ có tác dụng ngược lại mang tính tiêu cực [1]. Nhiều nhà kinh tế sẽ

đồng ý với nhận định rằng, thuế cao vượt ngưỡng chịu đựng của nền kinh tế và người dân là tối tệ cho tăng trưởng kinh tế, không tạo được động lực cho nền kinh tế. Tuy nhiên, có một bằng chứng được tìm ra trong nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nhận định này là không cần thiết rõ ràng, hoặc trong lý thuyết hoặc trong dữ liệu thực nghiệm [2].

Trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam, với sự tăng trưởng không ngừng của nền kinh tế, thu nhập của người dân tăng lên nhanh chóng, nhiều nguồn thu nhập mới xuất hiện, từ đó thuế thu nhập cá nhân cũng đã được áp dụng với tên gọi ban đầu là Pháp lệnh thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao, sau đó được nâng cấp thành luật và được áp dụng chính thức từ ngày 01/01/2009. Từ khi áp dụng pháp lệnh thuế, nguồn thu đã được bổ sung cho tổng thu ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, do từ năm 2008 trở về trước đã áp dụng Pháp lệnh thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập cao, mức độ hoàn thiện của chế độ thuế này đã không được đảm bảo, hệ thống bộ máy tổ chức phục vụ cho việc thu thuế thu nhập cá nhân cũng chưa được hình thành một cách chuyên nghiệp, các giao dịch kinh tế chủ yếu được thanh toán bằng tiền mặt, tham nhũng thuế đầu đó vẫn xảy ra,... Những điều này đã là nguyên nhân làm cho nguồn thu thuế thu nhập cá nhân bị thất thoát hoặc/và doanh thu đạt được chưa đạt hiệu quả cao nhất so với tiềm năng. Bên cạnh đó, theo nguồn thông tin được tác giả quan sát từ các báo cáo tổng kết cũng như từ các nguồn thông tin khác, việc thất thoát nguồn thu thuế cũng do sự chủ động trốn thuế của nhiều chủ thể trong xã hội. Gần đây, một nghiên cứu đối với các doanh nghiệp ở một số địa phương cũng chỉ ra rằng tình trạng trốn thuế rất phổ biến ở các doanh nghiệp tư nhân không có đăng ký chính thức. Sau khi đã chuyển từ Pháp lệnh sang Luật, đồng thời trong giai đoạn áp dụng Luật cũng đã sửa đổi, bổ sung một số điều khoản nên nhiều hạn chế phân tích ở trên đã dẫn được khắc phục, đó là sự hoàn thiện và tính chuyên nghiệp của luật thuế đã được cải thiện, các loại thu nhập mà trước đây không bao gồm trong Pháp lệnh thì sau đó đã được điều chỉnh trong Luật, các văn bản pháp luật liên quan đến việc trốn thuế ngày càng chặt chẽ và có tính răn đe hơn, đặc biệt với sự phát triển của nền kinh tế và dân số được kiểm soát nên thu nhập bình quân đầu người không ngừng được nâng cao, từ đó doanh thu

thuế thu nhập cá nhân đã được tăng lên một cách nhanh chóng. Bằng chứng rằng, theo dữ liệu quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, nếu so sánh số liệu doanh thu của loại thuế này trong giai đoạn áp dụng Pháp lệnh (tạm sử dụng 10 năm từ năm 1999 đến năm 2008) đạt 4432,3 tỷ đồng/năm và thấp hơn nhiều so với giai đoạn áp dụng Luật (tạm sử dụng 10 năm từ năm 2009 đến năm 2018) đã đạt 51822,9 tỷ đồng/năm.

Mục đích của bài báo này là xác định một số nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc làm rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đối với doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam thông qua phân tích định lượng là một hướng nghiên cứu cần thiết. Nếu vấn đề này được giải quyết đúng mức sẽ trở thành căn cứ khoa học và thực tiễn để Luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam có thể được đảm bảo ba mục tiêu: (1) tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước; (2) kích thích tăng trưởng kinh tế; (3) đạt được mục tiêu công bằng xã hội. Đồng thời, trong phạm vi của bài viết này, nhóm tác giả sẽ tập trung nghiên cứu GDP bình quân đầu người tác động như thế nào đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân. Vì cho dù các nhân tố khác có hoàn thiện thì nếu GDP không đạt được mức độ tăng trưởng cao thì thu nhập bình quân của người dân cũng khó có thể vừa trang trải cho cuộc sống ở mức đầy đủ vừa đạt đến mức phải nộp thuế. Do đó, theo quan điểm của các tác giả, các nhân tố khác chỉ là nhóm các nhân tố có tính chất hỗ trợ đối với việc khai thác nguồn thu thuế thu nhập cá nhân một cách hiệu quả nhất. Chẳng hạn, giả sử tại một thời điểm cụ thể, tổng thu nhập của dân chúng là A, khoản thu nhập để phục vụ cho cuộc sống anh ta và gia đình anh ta và tiết kiệm hoặc tái đầu tư là B, nguồn thu thuế thu nhập cá nhân là $A - B = C$. Có ba trường hợp xảy ra, thu thuế của Chính phủ có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn hoặc bằng C: *Thứ nhất*, nếu lớn hơn C thì Chính phủ đã thu thuế quá mức, có nghĩa là dân chúng đã phải chịu gánh nặng thuế quá cao so với mức chịu đựng của họ, làm ảnh hưởng đến khả năng tiết kiệm hoặc tái đầu tư của dân chúng, kết quả là ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, nếu tình trạng này kéo dài làm cho nguồn thu thuế của Chính phủ có khả năng giảm. *Thứ hai*, nếu nhỏ hơn C thì Chính phủ đã không thu được thuế ở mức tối ưu, ngân sách nhà nước bị ảnh hưởng. *Thứ ba*, nếu bằng C thì Chính phủ đã thu thuế thu nhập cá nhân đạt mức tối ưu. Trong ba trường hợp trên, theo nhận định của nhóm tác giả thực tế ở Việt Nam thuộc trường hợp 1.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Mô hình đường cong Laffer

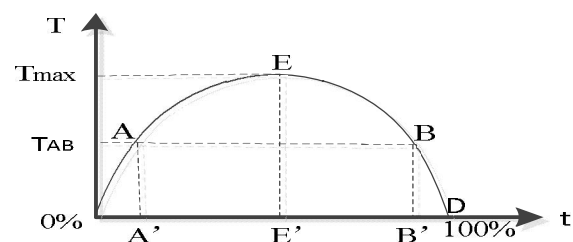
Một nghiên cứu trước đã trình bày nội dung và ý nghĩa của mô hình đường cong Laffer [11], bài báo sẽ vận dụng kết quả này làm cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu. Bài báo đã trình bày mục đích, bản chất của thuế, cụ thể, thu thuế là để làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước, từ đó đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Chính phủ. Chi tiêu của chính phủ cũng nhằm mục đích điều tiết nền kinh tế - xã hội với kỳ vọng đưa nền kinh tế - xã hội đi đúng hướng và phát triển ở

những thang bậc cao hơn. Tuy nhiên, phạm vi ảnh hưởng của thuế không chỉ xem xét ai chịu gánh nặng thuế mà còn quan tâm ai nhận được lợi ích từ các khoản chi tiêu được tài trợ bởi nguồn thu thuế [3]. Tại mỗi quốc gia khác nhau, gánh nặng thuế mà người dân phải chịu là khác nhau, đồng thời mức hiệu quả của việc sử dụng nguồn thu thuế cho việc chi tiêu phụ thuộc vào năng lực của mỗi Chính phủ. Điều này có nghĩa là giả sử giữa hai quốc gia với một mức đầu tư là như nhau được tài trợ bởi nguồn thu thuế để phát triển kinh tế - xã hội nhưng hiệu quả thu được lại khác nhau (với các điều kiện khác không đổi).

Đối với mỗi quốc gia, mức thu thuế bao nhiêu được xem là tối ưu. Thật ra cho đến nay, lý thuyết thuế tối ưu cung cấp rất ít hướng dẫn thực tế để xác định mức thuế hợp lý cho một quốc gia [4]. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể so sánh được mức thu thuế giữa các giai đoạn khác nhau tại một quốc gia, việc so sánh này có thể thông qua các chỉ tiêu kinh tế và xã hội như tốc độ tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân đầu người, chỉ số giá cả, khả năng đầu tư của người dân và doanh nghiệp từ nguồn tích lũy... Trong tổng nguồn thu từ các loại thuế khác nhau thì nguồn thu thuế thu nhập cá nhân có vai trò quan trọng và có liên quan mật thiết đối với các chỉ số nói trên.

Trường phái trọng cung đã đưa ra những quan điểm với mục đích sử dụng công cụ thuế kích thích tăng trưởng kinh tế. Các đại biểu của trường phái này cho rằng, tốc độ tăng trưởng kinh tế được xác định bởi mức tiết kiệm và tích lũy đủ đến mức độ nhất định. Chính những khoản tiết kiệm từ thu nhập sẽ hình thành nguồn vốn để mở rộng đầu tư phát triển kinh doanh. Với ý nghĩa này, họ cho rằng Nhà nước cần cắt giảm thuế sẽ làm tăng thu nhập của dân cư và doanh nghiệp, do đó làm tăng cơ hội đầu tư mở rộng sản xuất kích thích tăng trưởng kinh tế.

Đại biểu cho trường phái trọng cung là nhà kinh tế A.Laffer. Ông đã đưa ra đường cong lý thuyết phản ánh sự phụ thuộc giữa thuế suất và tổng thu thuế, gọi là đường cong Laffer. Trên cơ sở đường cong lý thuyết, A.Laffer đã chứng minh rằng, việc tăng thuế ở Mỹ đã có tác động tiêu cực đến nền sản xuất xã hội. Từ sự phân tích có tính chất phê phán đó, tác giả của học thuyết đã đưa ra kết luận: Mức thuế suất được xác định hợp lý thì tổng số thu thuế là lớn nhất. Cụ thể xem đồ thị hình 1.



Hình 1. Đường cong Laffer

Ở đồ thị đường cong Laffer, trục tung biểu diễn tổng số thu thuế (ký hiệu là T), trục hoành biểu diễn thuế suất (ký hiệu là t). Tại gốc tọa độ O, mức thuế suất là 0%, một mặt

đạt được sự đồng thuận của xã hội là cao nhất nhưng Chính phủ không thu được thuế. Khi Chính phủ áp dụng mức thuế suất tại điểm A', tốc độ tăng thu thuế là cao nhất, tổng thu thuế của Chính phủ là T_{AB} tương ứng với điểm A nằm trên đường cong Laffer, trong trường hợp này vẫn tạo được sự đồng thuận của dân chúng. Khi thuế suất tăng từ điểm A' đến điểm E' thì tổng thu thuế của Chính phủ cao nhất (T_{max}) tương ứng với điểm cân bằng E, nhưng do độ dốc của đoạn AE thoải hơn so với đoạn OA nên tốc độ tăng thu thuế của đoạn AE giảm dần, lúc này sự đồng thuận của người dân giảm xuống. Nếu Chính phủ áp dụng gánh nặng thuế quá mức, mức thuế suất vượt quá điểm E', tổng thu thuế của Chính phủ không chỉ không tăng lên mà còn giảm xuống, sự đồng thuận của người dân là giảm xuống nhanh chóng, do sức ép chi phí thuế cao làm cho quy mô đầu tư sản xuất kinh doanh giảm xuống, tăng trưởng kinh tế cũng vì thế giảm theo. Nếu Chính phủ đánh thuế tại điểm D tương ứng với mức thuế suất 100% thì Chính phủ sẽ không thu được đồng tiền thuế nào, do hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tạm ngừng.

Như vậy, để tăng tích lũy tư bản, mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh, Laffer đề xuất bãi bỏ biểu thuế suất lũy tiến và hạ thấp thuế lợi nhuận công ty. Thực tế giai đoạn 1981 - 1986, nước Mỹ đã cải cách thuế trên cơ sở lý thuyết của Laffer, kết quả là thuế lợi nhuận công ty và thuế thu nhập cá nhân đã được giảm thấp. Sau đó, chính sách cải cách của các quốc gia công nghiệp phát triển cũng chịu ảnh hưởng của lý thuyết này. Tuy nhiên, lý thuyết của Laffer có nhược điểm là, ở giai đoạn đầu cải cách, nguồn thu thuế của Chính phủ sẽ bị giảm xuống, kèm theo đó là xảy ra tình trạng bội chi ngân sách nhà nước.

2.2. Bằng chứng thực nghiệm

Thực tế có nhiều công trình nghiên cứu về doanh thu thuế nói chung và thuế thu nhập cá nhân nói riêng ở các quốc gia và Việt Nam. Trong một công trình thực nghiệm của Karagoz (2013) đã sử dụng phân tích hồi quy để điều tra các yếu tố quyết định doanh thu thuế ở Thổ Nhĩ Kỳ. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, tỷ lệ nông nghiệp và công nghiệp trong GDP, cổ phiếu nợ nước ngoài, tỷ lệ lưu thông tiền tệ và tỷ lệ đô thị hóa có tác động đáng kể đến tổng doanh thu thuế [5]. Trong một công trình thực nghiệm của Castro and Camarillo (2014) đã nghiên cứu về các yếu tố quyết định doanh thu thuế ở các nước OECD trong giai đoạn 2001 - 2011, kết quả cho thấy tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người, lĩnh vực công nghiệp, và tự do dân sự có tác động tích cực đến biến phụ thuộc, trong khi khu vực nông nghiệp và tỷ trọng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tổng vốn cố định có tác động tiêu cực [6]. Thông qua kết quả của nghiên cứu này cũng đã kết luận rằng, các yếu tố quyết định doanh thu thuế trong OECD khác nhau giữa các quốc gia thu nhập cao và thu nhập trung bình. Các nước thu nhập cao với GDP bình quân đầu người cao, tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài thấp và khu vực công nghiệp phát triển mạnh có doanh thu thuế cao hơn. Tuy nhiên, nếu việc thu thuế làm tăng nguồn thu ngân sách nhà nước nhưng vượt quá sức chịu đựng của

nền kinh tế và dân chúng thì sẽ có tác động ngược lại, nghĩa là thuế lúc này không chỉ không giúp ích gì cho sự tăng trưởng kinh tế mà còn kìm hãm sự phát triển doanh nghiệp với chi phí sản xuất tăng do tăng thu thuế. James R. Hines Jr. (2007) nói rằng gánh nặng quá mức của thuế là chi phí hiệu quả, hoặc tổn thất nặng nề, tất cả đều liên quan đến thuế [7]. Alan J. Auerbach và cộng sự (2001) cũng đã cho rằng việc giảm thuế sẽ đem lại hiệu quả kinh tế nhưng nếu tăng thuế quá mức sẽ gây tổn thất nặng nề hoặc tăng gánh nặng quá mức của thuế, sau đó là biểu thị chi phí gia tăng cho người nộp thuế và xã hội do tăng doanh thu các loại thuế làm sai lệch các quyết định kinh tế [8]. Một công trình khác khi nghiên cứu về thuế thu nhập cá nhân đã thực hiện hồi quy và phân tích tương quan nhằm xác định các yếu tố quyết định thuế thu nhập cá nhân ở Croatia. Phân tích hợp nhất được thực hiện bằng cách sử dụng dữ liệu hàng tháng từ tháng 1 năm 2008 đến tháng 2 năm 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tác động tiêu cực đáng kể về mặt thống kê của điều kiện kinh tế và tác động tích cực có ý nghĩa thống kê của tiền lương trung bình hàng tháng và số lượng người nộp thuế đối với thuế thu nhập cá nhân trong dài hạn [9].

Ở Việt Nam, một nghiên cứu thực nghiệm khi xây dựng mô hình với hai biến độc lập GDP bình quân đầu người và xu thế thời gian ảnh hưởng đến thu thuế thu nhập cá nhân bình quân đầu người của Việt Nam trong giai đoạn 2002 - 2011, kết quả đã được tìm thấy rằng GDP bình quân đầu người tăng thêm 1 đơn vị thì thu thuế thu nhập cá nhân bình quân đầu người đã tăng từ 0,011970325 đơn vị đến 0,021879675 đơn vị [10]. Một nghiên cứu định lượng khác đã xây dựng mô hình đơn giản với một biến độc lập GDP theo giá thực tế ảnh hưởng đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam trong giai đoạn 2002 - 2011, kết quả cho thấy khi GDP theo giá thực tế tăng thêm 1 tỷ đồng, thu thuế thu nhập cá nhân sẽ tăng lên 0,020162 tỷ đồng [11]. Một nghiên cứu gần nhất đã phân tích mối quan hệ giữa thuế thu nhập cá nhân và các nhân tố tác động, kết quả của nghiên cứu đã phát hiện ra rằng có ba nhân tố tác động mạnh nhất đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân, bao gồm GDP thực tế, tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân và tỷ lệ lạm phát [12].

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm để xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đối với doanh thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam. Sự tác động của từng nhân tố đối doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam có thể là một dấu hiệu dương hoặc một dấu hiệu âm. Độ dài thời gian mà nhóm tác giả sử dụng là 18 năm (từ năm 2001 đến năm 2018). Số liệu tổng doanh thu thuế thu nhập cá nhân, tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, chỉ số cảm nhận tham nhũng, tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân, tỷ lệ lạm phát hàng năm được sử dụng tương ứng với trình tự thời gian trên. Nguồn số liệu được lấy từ cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê và sự tổng hợp của nhóm tác giả.

Trong giới hạn nghiên cứu của bài viết này, mô hình được xây dựng dựa trên giả định doanh thu thuế thu nhập cá nhân chịu sự quyết định bởi các nhân nhân tố: GDP bình quân đầu người, tỷ lệ lạm phát hàng năm, chỉ số cảm nhận tham nhũng, tỷ lệ gánh nặng thuế, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm. Dựa vào giả định này, tác giả sẽ thực hiện thống kê mô tả và hồi quy mô hình năm biến độc lập. Tuy nhiên, kết quả hồi quy cho thấy rằng, chỉ số lạm phát và chỉ số cảm nhận tham nhũng ảnh hưởng không lớn đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân.

$$TAX = F(PCI, IFL, CORRUP, TAX / GDP, G)$$

$$TAX = \beta_0 + \beta_1 PCI + \beta_2 IFL + \beta_3 CORRUP + \beta_4 TAX / GDP + \beta_5 G + \epsilon_t$$

Trong đó:

TAX là doanh thu thuế thu nhập cá nhân (tỷ đồng)

β_0 là hệ số chặn; $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5$ là hệ số góc

PCI là GDP bình quân đầu người (đồng)

INFL là tỷ lệ lạm phát (%)

CORRUP chỉ số cảm nhận tham nhũng (%)

TAX/GDP là tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân (%)

G là tốc độ tăng trưởng hàng năm (%)

ϵ là biến sai số

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Nhóm tác giả thực hiện các thao tác trên phần mềm xử lý dữ liệu định lượng với mô hình năm biến độc lập là tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, chỉ số cảm nhận tham nhũng, tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân, tỷ lệ lạm phát hàng năm và một biến phụ thuộc là doanh thu thuế thu nhập cá nhân. Bảng kết quả hồi quy được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Kết quả hồi quy của mô hình

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-62478,73	35147,78	-1,777601	0,1008
PCI	0,000905	0,000322	2,812089	0,0157
INFL	-409,5873	302,6855	-1,353178	0,2009
CORRUP	1116,287	1486,878	0,750759	0,4673
TAX/GDP	21712,88	9516,728	2,281549	0,0416
G	2762,387	1404,390	1,966966	0,0727
R-squared:	0,973869	Prob(F-statistic):		0,000000
Adjusted R-squared:	0,962982	F-statistic:		89,44599

Nguồn: Kết quả đầu ra từ phần mềm xử lý dữ liệu đầu vào

Trong bảng kết quả trên cho thấy, R^2 và R^2 điều chỉnh cho kết quả rất lớn, điều này có nghĩa rằng các biến độc lập bao gồm tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, chỉ số cảm nhận tham nhũng, tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân, tỷ lệ lạm phát hàng năm có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc doanh thu thuế thu nhập cá nhân. Cụ thể, với $R^2 = 0,9738$, có nghĩa là sự thay đổi của biến độc lập giải thích được 97,38% sự thay đổi của biến

phụ thuộc. Giá trị p của mô hình là quá nhỏ nên có thể kết luận là tổ hợp các biến độc lập trong mô hình có ảnh hưởng khá mạnh đến biến phụ thuộc. Giá trị d của kiểm định Durbin-Watson bằng 1,395387, trong khi đó với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, số cỡ mẫu $n = 18$ và căn cứ vào số biến độc lập trong mô hình, giá trị d nằm trong khoảng giữa d_L và d_U . Do đó, chưa có kết luận rõ ràng hiện tượng tự tương quan bậc 1 của mô hình. Dấu của hệ số chặn và các biến độc lập phù hợp với quy luật kinh tế.

Trong các biến độc lập ảnh hưởng đến biến phụ thuộc và căn cứ vào giá trị p của từng biến độc lập, chúng ta nhận thấy rằng thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng dương và có ý nghĩa tại mức ý nghĩa 5% đối với doanh thu thuế thu nhập cá nhân. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Castro và Camarillo (2014) khi nghiên cứu về các yếu tố quyết định doanh thu thuế ở các nước OECD trong giai đoạn 2001 - 2011 [6]. Nghiên cứu của Nguyen và Liu (2014) cũng đồng nhất với kết quả của nghiên cứu này về việc phân tích hồi quy và tìm ra được mối quan hệ dương và có ý nghĩa giữa doanh thu thuế thu nhập cá nhân và thu nhập bình quân đầu người [10]. Gần đây nhất là nghiên cứu của Nguyen (2019) cũng đã thực hiện hồi quy mô hình đơn giản giữa một biến phụ thuộc là doanh thu thuế thu nhập cá nhân và một biến độc lập là thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam trong giai đoạn 1999 - 2018 và kết quả thực nghiệm cũng tương tự [13]. Mối quan hệ giữa doanh thu thuế thu nhập cá nhân và tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân là một mối quan hệ dương và có ý nghĩa tại mức ý nghĩa 5%. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyen và Than (2019) khi nghiên cứu về các yếu tố quyết định doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam trong giai đoạn 2002 - 2016, và bài viết cũng đã chỉ rõ ảnh hưởng của tỷ lệ gánh nặng thuế thu nhập cá nhân đối với doanh thu của loại thuế này là một dấu hiệu dương và tại mức ý nghĩa 5% [12]. Doanh thu thuế thu nhập cá nhân và tốc độ tăng trưởng kinh tế có một mối quan hệ dương và có ý nghĩa tại mức ý nghĩa 10% trong giai đoạn 2001 - 2018. Tuy nhiên, có hai biến độc lập ảnh hưởng không lớn đến biến phụ thuộc và có dấu hiệu ngược nhau. Cụ thể, tác động của tỷ lệ lạm phát hàng năm đối với doanh thu thuế thu nhập cá nhân là không lớn và có một dấu hiệu âm. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nguyen và Than (2019) [12]. Mối quan hệ giữa doanh thu thuế thu nhập cá nhân và chỉ số cảm nhận tham nhũng là một dấu hiệu dương và mức ý nghĩa thấp. Từ kết quả này có thể tạm thời nhận định rằng, sự quan tâm và có những hành động thực sự chống tham nhũng thuế của người dân và các cơ quan chức năng đang còn thấp.

Từ phân tích kết quả hồi quy ở trên, bài viết đưa ra một số kết luận về các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam trong giai đoạn 2001 - 2018 như sau: (1) Nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến doanh thu của loại thuế này là thu nhập bình quân đầu người. Trong điều kiện thực tế Việt Nam, thu nhập bình quân đầu người luôn tăng qua các năm với sự kiểm soát

dân số và tốc độ tăng trưởng GDP luôn ở mức cao thuộc nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất hàng năm. Trong khi đó, luật thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam thông thường sau một số năm mới có sự điều chỉnh nhưng chưa theo kịp với tình hình thực tế, tỷ lệ lạm phát luôn dương qua các năm, số lượng người nộp thuế ở bậc 1 luôn lớn nhất, do đó không chỉ doanh thu thuế thu nhập cá nhân luôn tăng mà tỷ lệ gánh nặng của loại thuế này cũng tăng. Bằng chứng tính toán của nhóm tác giả là, tỷ lệ gánh nặng giữa thuế thu nhập cá nhân và GDP theo giá thực tế năm 2001 là 0,43 năm 2001 đã tăng lên 1,75 năm 2018. Điều này có thể tạm thời kết luận rằng, thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam đóng góp ngày càng tăng cho ngân sách nhà nước nhưng đã ảnh hưởng đến sức tiêu dùng và đầu tư của khu vực tư nhân. (2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn được duy trì tăng qua các năm trong điều kiện kiểm soát dân số sẽ ảnh hưởng tích cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân. Bởi vì, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt ở mức khoảng 6,9% trong giai đoạn nghiên cứu, điều này có nghĩa là quy mô nền kinh tế được mở rộng, tỷ lệ có việc làm cao, nhiều nguồn thu nhập mới xuất hiện, do đó số lượng người nộp thuế và mức nộp thuế thu nhập cá nhân tăng theo thời gian. (3) Tỷ lệ gánh nặng thuế trong giai đoạn nghiên cứu luôn tăng qua các năm đã ảnh hưởng tích cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. (4) Tỷ lệ lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu nhưng mức độ ảnh hưởng không lớn. (5) Chỉ số cảm nhận tham nhũng có ảnh hưởng tích cực đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam trong gian đoạn nghiên cứu và phù hợp với quy luật kinh tế nhưng thực tế mức độ không lớn. Nguyên nhân là mức độ tăng của chỉ số này là 26 điểm phần trăm năm 2001 chỉ tăng đến 27 điểm phần trăm năm 2010 và chỉ đạt 31 điểm phần trăm năm 2018. Chỉ số này trong năm 2018 của Việt Nam thấp hơn so với nhiều nước trong khu vực (Nhật Bản: 73; Hàn Quốc: 57; Malaysia: 47; Ấn Độ: 41; Trung Quốc: 39; Indonesia: 38; Thái Lan: 36; Philippines: 36).

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Những kết quả nghiên cứu của bài báo này phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đó về một hoặc một vài nhân tố tác động đến doanh thu thuế thu nhập cá nhân [6, 10, 12, 13]. Kết quả nghiên cứu này và xem xét mô hình lý thuyết của A.Laffer cảnh báo rằng, việc tăng tỷ lệ gánh nặng thuế qua các năm sẽ làm giảm đầu tư tư nhân, đầu tư công lẫn cả đầu tư tư nhân, hiệu quả đầu tư của nguồn thu từ thuế này sẽ không cao so với đầu tư tư nhân khi nguồn lực này không bị đánh thuế. Đường cong lý thuyết của A.Laffer đã chỉ ra rằng, khi Chính phủ đánh thuế quá sức chịu đựng của dân chúng và kéo dài trong nhiều năm thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư nguồn lực xã hội và ảnh hưởng hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế ở Việt Nam cũng đã diễn ra theo chiều hướng như vậy trong những năm vừa qua, cho nên luật thuế thu nhập cá nhân

luôn chịu sức ép của sự chỉnh sửa các điều khoản, và thực tế đã chỉnh sửa một số lần kể từ khi ban hành luật này từ năm 2007.

Từ kết quả thực nghiệm của bài viết này, nhóm tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách, cụ thể: *Một là*, với vị trí là một nước đang phát triển trong nhiều năm tiếp theo, Việt Nam hơn bao giờ hết cần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. *Hai là*, Việt Nam tiếp tục duy trì việc vận dụng linh hoạt chính sách tiền tệ và tài chính nhằm kích thích các nguồn lực trong xã hội chủ yếu cho đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh bằng việc tiếp tục tạo điều kiện cho dân chúng phát triển các loại hình doanh nghiệp và đầu tư cá nhân thông qua phong trào khởi nghiệp. Từ đó sẽ tăng việc làm, nâng cao thu nhập, kết quả là tăng số lượng người nộp thuế ở các bậc thuế. *Ba là*, Việt Nam tiếp tục duy trì việc kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng và điều chỉnh luật thuế cho phù hợp với sự tăng lên của chỉ số giá cả. *Bốn là*, do sự quan tâm về mức độ ảnh hưởng của tham nhũng thuế đối với doanh thu thuế thu nhập cá nhân còn thấp nên Việt Nam cần tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của dân chúng về sự kim hãm của tham nhũng đối với sự phát triển kinh tế xã hội và việc thực thi quyết liệt của các cơ quan chức năng trong phòng chống tham nhũng thuế. Khi tham nhũng giảm, chi phí phi chính thức của doanh nghiệp và cá nhân sẽ giảm, hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đầu tư sẽ tăng, từ đó thuế phải nộp của doanh nghiệp và cá nhân sẽ tăng. Mặt khác, giảm tham nhũng thuế thì sẽ giảm được thất thu thuế, việc thu đúng, thu đủ sẽ được nâng cao. Với những đề xuất trên vừa có tác dụng giảm gánh nặng thuế vừa tăng doanh thu thuế thu nhập cá nhân vào ngân sách nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hua Liu, Huu Cung Nguyen, Hong Son Nguyen and Thu Huong Tran, 2012. *Analysis of Differences of The Personal Income Tax Regime between Vietnam and China*. 2nd International Conference on Financial Management and Economics (Singapore), Vol.43, pp.231-237.
- [2]. Engen and Skinner, 1996. *Taxation and Economic Growth*. National Tax Journal, Vol 49, No.4, pp.617-642.
- [3]. Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoa, 2009. *Tài chính công và phân tích chính sách thuế*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- [4]. Su Dinh Thanh, 2005. *Định hướng cải cách chính sách thuế ở Việt Nam*. Tạp chí Phát triển kinh tế, Số 6, Kỳ 176, trang 78-86.
- [5]. Karagoz, K., 2013. *Determinants of tax revenue: Does sectorial composition matter?*. Journal of Finance, Accounting and Management, 4(2), 50-63.
- [6]. Castro and Camarillo, 2014. *Determinants of tax revenue in OECD countries over the period 2001–2011*. Contaduría y Administración, Volume 59, Issue 3, pp. 35-59.
- [7]. James R. Hines Jr., 2007. *Excess Burden of Taxation*. Working Paper Series, Product Number WP 2007-1.

[8]. Alan J. Auerbach and James R. Hines Jr., 2001. *Taxation and Economic Efficiency*. NBER Working Paper No. 8181, March 2001.

[9]. Irena Palić et al., 2017. *Analysis of personal income taxation determinants in Croatia in long run: Evidence from Cointegration Analysis*. Journal of contemporary issues in economics and business, Volume 63, Issue 3, pp. 12-18.

[10]. Nguyen Huu Cung and Liu Hua, 2014. *A Comparative Study on Individual Income Tax Burden of Vietnam and China*. Business and Management Research, Vol. 3, No. 2, pp. 60-66.

[11]. Nguyen Huu Cung et al., 2013. *Determinants of Revenue of Personal Income Tax in Vietnam*. In Proc. of The 4th Int. Asia Conf. on Industrial Engineering and Management Innovation (IEMI'2013), Taiwan, 2013, pp. 126-130, ISBN: 978-3-642-40059-9.

[12]. Nguyen and Than, 2019. *Individual Income Tax Revenue and Its Determinants: A Case Study in Vietnam*. Advances in Economics and Business, 7(10): 185-193.

[13]. Nguyen Huu Cung, 2019. *Gross Domestic Product Per Capita and Individual Income Tax Revenue: Empirical Evidence from Vietnam*. International Journal of Business and Economics Research, 8(6): 369-374.

[14]. <http://www.mof.gov.vn>; <http://www.gso.gov.vn>

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Huu Cung, Nguyen Thi Nguyet Dung

Faculty of Business Administration, Hanoi University of Industry